

7

Watashi no gakkou
わたしのがっこう

チューン ホツ(ク) クア トイ

Trường học của tôi

okujou
おくじょう
サン トウオン
sân thượng

genkan
げんかん
クア ザー パオ
cửa ra vào

tearaiba
てあらいば
チョー ルア タイ
chỗ rửa tay

koutei
こうてい
サン
sân t

sunaba
すなば
パイ カツ(ト)
bãi cát

Ongakushitsu wa dokodesuka.
おんがくしつはどこですか。

フォン アム ニヤツ(ク) オウ ダウ
Phòng âm nhạc ở đâu?

Nikai desu.
2かいです。

オウ ラウ ハイ
Ở lầu hai.

kousha
こうしゃ
ニャー チューン
nhà trường

taikukan
たいいくかん
フォン タッ(プ) テー ズツ(ク)
phòng tập thể dục

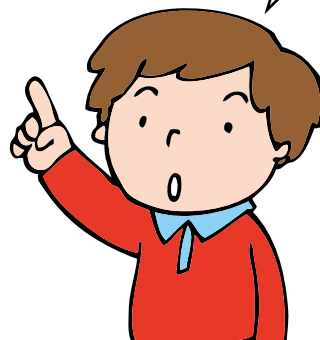
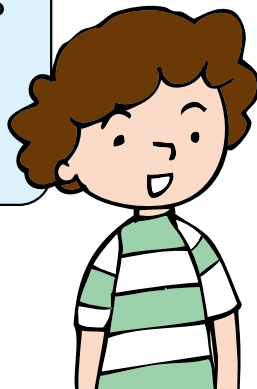
puuru
プール
ホー ボイ
hồ bơi

チューン
trường

Are wa nandesuka.
あれはなんですか。
チョー キア ラー カイ ジー
Chỗ kia là cái gì?

Taikukan desu.
たいいくかん です。

ラー フォン タッ(プ) テー ズツ(ク)
Là phòng tập thể dục.



kokubankeshi ドー ラウ バーン
こくばんけし đồ lau bả̀ng

kokuban
こくばん バーン
bả̀ng

chooku
チョーク
ファン
phần

kabin
かびん
ビン ホア
bình hoa

Kore wa nandesuka.
これは なんですか。
カイ ナイ ラー カイ ジー
Cái này là cái gì?

Tsukue desu.
つくえ です。
ラーバン ホツ(ク)
Là bàn học.

Kabin desu.
かびん です。
ラービン ホア
Là bình hoa.

Sore wa nandesuka.
それは なんですか。
カイ ドーラー カイ ジー
Cái đó là cái gì?

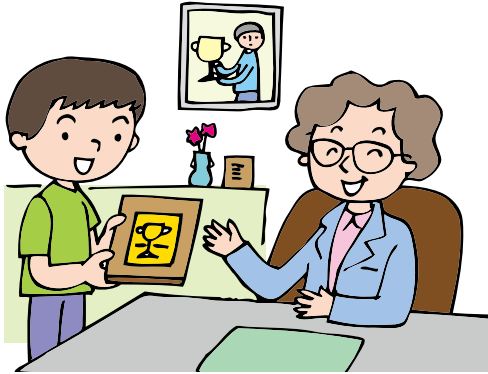
isu
いす
ゲー
ghé

kouchoushitsu

こうちょうしつ

フォン ヒュウ チューン

phòng hiệu trưởng



shokuinshitsu

しょくいんしつ

フォン ザオ ビエン

phòng giáo viên



jimushitsu

じむしつ

バン フォン

văn phòng



hokenshitsu

ほけんしつ

フォン イー テー

phòng y tế



kyuushokushitsu

きゅうしょくしつ

フォン ナウー アン

phòng nấu ăn



shujishitsu

しゅじしつ

フォン スア チュア

phòng sửa chữa

